

Số: /2024/QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày

tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý, sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn ban hành kèm theo Quyết định số 64/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 185/TTr-STC ngày 10 tháng 9 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý, sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn ban hành kèm theo Quyết định số 64/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

1. Sửa đổi khoản 1 Điều 1 như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội (sau đây viết tắt là NHCSXH) để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác theo quy định tại Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ và Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”.

2. Sửa đổi Điều 3 như sau:

“Điều 3. Cơ quan chuyên môn được UBND các cấp ủy quyền ký hợp đồng ủy thác với NHCSXH các cấp

1. UBND tỉnh ủy quyền bằng văn bản cho các cơ quan chuyên môn sau:

a) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ký hợp đồng ủy thác nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh với Chi nhánh NHCSXH tỉnh đối với các đối tượng cho vay thuộc hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác.

b) Các cơ quan chuyên môn khác thuộc UBND tỉnh tham mưu xây dựng các Chương trình, Kế hoạch, Đề án liên quan đến ủy thác vốn từ ngân sách cấp tỉnh sang Chi nhánh NHCSXH tỉnh ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh NHCSXH tỉnh đối với các đối tượng thuộc thẩm quyền quản lý.

c) Sở Tài chính ký hợp đồng ủy thác nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh với Chi nhánh NHCSXH tỉnh đối với các Chương trình, Kế hoạch, Đề án liên quan đến ủy thác vốn từ ngân sách cấp tỉnh sang Chi nhánh NHCSXH tỉnh không phải do cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh tham mưu xây dựng.

2. UBND các huyện, thành phố (gọi tắt là UBND cấp huyện) ủy quyền bằng văn bản cho Phòng Lao động, Thương binh, Xã hội - Dân tộc các huyện; Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố ký hợp đồng ủy thác nguồn vốn ngân sách cấp huyện với NHCSXH cấp huyện”.

3. Sửa đổi khoản 1 Điều 4 như sau:

“Điều 4. Quy trình chuyển nguồn vốn ngân sách địa phương hằng năm bố trí để bổ sung nguồn vốn cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác

1. Đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh:

a) Căn cứ Quyết định giao vốn (hoặc quyết định giao dự toán) của UBND tỉnh, Sở Tài chính thực hiện chuyển tiền cho cơ quan chuyên môn được UBND tỉnh ủy quyền (trừ cơ quan chuyên môn là Sở Tài chính) để quản lý nguồn vốn theo hình thức cấp phát bằng lệnh chi tiền, hạch toán chi ngân sách nhà nước theo mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

b) Căn cứ hợp đồng uỷ thác với Chi nhánh NHCSXH tỉnh, cơ quan chuyên môn được UBND tỉnh uỷ quyền chuyển tiền cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh để thực hiện cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác”.

4. Sửa đổi điểm b, điểm c khoản 1 Điều 9 như sau:

“Điều 9. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay

b) Trích phí quản lý nguồn vốn uỷ thác cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện là 0,4%/tháng tính theo dư nợ cho vay bình quân. Trường hợp mức phí quản lý Thủ tướng Chính phủ giao cho NHCSXH trong từng thời kỳ cao hơn mức 0,4%/tháng thì thực hiện theo mức phí quản lý Thủ tướng Chính phủ giao. Trường hợp lãi thu được sau khi trích quỹ dự phòng rủi ro tín dụng chung không đủ trích phí quản lý cho NHCSXH theo quy định, ngân sách địa phương cấp bù phần còn thiếu cho NHCSXH nơi nhận uỷ thác.

c) Trích phí chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp, các đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn NHCSXH nhận uỷ thác từ ngân sách địa phương. Mức trích là 12% số tiền lãi thu được, tỷ lệ được hưởng cho các đơn vị liên quan như sau:

- Trích 8% cho các hoạt động quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp.

- Trích 4% cho NHCSXH các cấp để mua sắm công cụ lao động, phương tiện làm việc cho các tổ giao dịch lưu động xã đi giao dịch tại xã, phường, thị trấn”.

5. Bổ sung điểm e khoản 1 Điều 13 như sau:

“e) Có trách nhiệm quản lý, theo dõi giám sát nguồn vốn từ ngân sách cấp tỉnh uỷ thác sang Chi nhánh NHCSXH tỉnh đối với các Chương trình, Kế hoạch, Đề án không phải do cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh tham mưu xây dựng.”

6. Bổ sung khoản 1a Điều 13 như sau:

“1a. Các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

a) Có trách nhiệm quản lý, theo dõi giám sát nguồn vốn từ ngân sách cấp tỉnh uỷ thác sang Chi nhánh NHCSXH tỉnh đối với các Chương trình, Kế hoạch, Đề án do các đơn vị tham mưu xây dựng.

b) Phối hợp với Chi nhánh NHCSXH tỉnh tổng hợp tình hình thực hiện cho vay đối với các đối tượng thuộc thẩm quyền quản lý gửi Sở Tài chính”.

7. Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 13 như sau:

“Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

c) Tổ chức tập huấn cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, cộng tác viên làm công tác giảm nghèo các cấp về triển khai thực hiện Chương trình mục

tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và các chính sách giảm nghèo, hướng dẫn các đơn vị rà soát, bổ sung kịp thời danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo của địa phương để tạo điều kiện cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo được vay vốn từ NHCSXH”.

8. Bổ sung khoản 5 Điều 14 như sau:

“Điều 14. Tổ chức thực hiện

5. Đối với các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế”.

Điều 2. Thay thế cụm từ “Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Phòng Lao động, Thương binh, Xã hội - Dân tộc các huyện; Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố” tại khoản 2 Điều 4; điểm b khoản 2 và điểm b khoản 5 Điều 10; khoản 2 Điều 11; khoản 1, khoản 2 Điều 13 tại Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 64/2017/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2024.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Ngân hàng nhà nước Lạng Sơn, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chính phủ;
- Các Bộ: KHĐT, TC, LĐTBXH;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- NHCSXH Việt Nam;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Công báo tỉnh; Báo LS; Đài PT-TH tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh, các phòng CM;
- Lưu: VT, KGVX(NCD).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hồ Tiến Thiệu